



NOSACQ-50-
Vietnamese

Phiếu khảo sát về điều kiện an toàn lao động tại Bắc Âu



Mục đích của phiếu điều tra này là để thu thập quan điểm của bạn về sự an toàn tại nơi làm việc này. Câu trả lời của bạn sẽ được lưu trên máy tính và sẽ được bảo mật. Không có kết quả của cá nhân nào sẽ được công bố dưới mọi hình thức. Chúng tôi mong muốn bạn trả lời tất cả các câu hỏi, tuy nhiên bạn có quyền không trả lời bất cứ câu hỏi nào, một nhóm câu hỏi hoặc toàn bộ bảng câu hỏi.

Tôi đã đọc phần giới thiệu về phiếu điều tra và đồng ý hoàn thành nó theo các điều kiện đã nêu

Có

Phiếu điều tra được bởi một nhóm nghiên cứu bao gồm các chuyên gia về môi trường làm việc tại Bắc Âu với nguồn hỗ trợ tài chính từ Hội Đồng Bộ Trưởng Bắc Âu (Nordic Council of Ministers)



Ví dụ về cách bạn trả lời câu hỏi khảo sát

| Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|------------------------------------|--------------|--------|------------------|
| Chỉ đánh một dấu X cho mỗi câu hỏi | | | |

I Đội ngũ quản lý khuyến khích nhân viên ở đây làm việc theo các quy tắc an toàn - ngay cả khi lịch làm việc dày đặc

Đánh dấu chính xác

ii Chúng tôi, những người làm việc ở đây phá vỡ quy tắc an toàn để hoàn thành công việc đúng thời hạn

Đã sửa đánh dấu

Nếu bạn đánh dấu X nhầm ô, hãy tô kín toàn bộ ô đó và đánh dấu X mới vào ô đúng

Thông tin cá nhân

A Năm sinh? 19 20

B Bạn là Nam Nữ

C Bạn đang giữ một chức vụ điều hành, ví dụ như quản lý? Không Có. Chức vụ gì?

Trong mục sau đây, vui lòng cho biết bạn nhận thấy các cấp quản lý và tại nơi làm việc này xử lý vấn đề an toàn như thế nào. Có một số câu hỏi có thể tương tự nhau, xin vui lòng trả lời tất cả các câu hỏi.

| Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|------------------------------------|--------------|--------|------------------|
| Chỉ đánh một dấu X cho mỗi câu hỏi | | | |

- | | | | | |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Đội ngũ quản lý khuyến khích nhân viên ở đây làm việc theo các quy tắc an toàn - ngay cả khi lịch làm việc dày đặc | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2. Đội ngũ quản lý đảm bảo rằng tất cả mọi người nhận được thông tin cần thiết về an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3. Đội ngũ quản lý lơ đãng khi ai đó bỏ qua quy tắc an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4. Đội ngũ quản lý đặt sự an toàn lên trên sản xuất | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5. Đội ngũ quản lý chấp nhận để nhân viên ở đây gặp rủi ro khi lịch làm việc dày đặc | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6. Chúng tôi, những người làm việc ở đây tin tưởng vào năng lực của đội ngũ quản lý về việc xử lý vấn đề an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7. Đội ngũ quản lý đảm bảo rằng các vấn đề về an toàn được phát hiện trong các cuộc kiểm tra/đánh giá về an toàn được khắc phục ngay lập tức | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8. Đội ngũ quản lý lơ đãng và không có hành động gì khi một rủi ro được phát hiện | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 9. Đội ngũ quản lý thiếu năng lực trong việc xử lý vấn đề an toàn một cách chuẩn xác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Có một số câu hỏi có thể tương tự nhau, xin vui lòng trả lời tất cả các câu hỏi

| Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|------------------------------------|-----------------|--------|------------------------|
| Chỉ đánh một dấu X cho mỗi câu hỏi | | | |

- | | | | | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 10. Đội ngũ quản lý nỗ lực thiết kế các quy trình an toàn có ý nghĩa và thiết thực với công việc | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 11. Đội ngũ quản lý đảm bảo rằng tất cả mọi người | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 12. Đội ngũ quản lý khuyến khích nhân viên ở đây tham gia vào các quyết định có ảnh hưởng đến sự an toàn của họ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 13. Đội ngũ quản lý không bao giờ cân nhắc các đề nghị của nhân viên về vấn đề an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 14. Đội ngũ quản lý nỗ lực để tất cả mọi người tại nơi làm việc có ề an toàn và rủi ro | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 15. Đội ngũ quản lý không bao giờ tham khảo ý kiến của nhân viên trước khi đưa ra quyết định về an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 16. Đội ngũ quản lý để nhân viên tham gia vào các quyết định liên quan đến an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <hr/> | | | | |
| 17. Đội ngũ quản lý thu thập thông tin chính xác trong các vụ điều tra về tai nạn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 18. Sợ bị xử phạt (hệ quả tiêu cực) từ đội ngũ quản lý khiến nhân viên ở đây không báo cáo các tai nạn có thể đã xảy ra | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 19. Đội ngũ quản lý cẩn trọng lắng nghe mọi cá nhân có liên quan đến một vụ tai nạn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Có một số câu hỏi có thể tương tự nhau, xin vui lòng trả lời tất cả các câu hỏi

| Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|------------------------------------|-----------------|--------|------------------------|
| Chỉ đánh một dấu X cho mỗi câu hỏi | | | |

- | | | | | | |
|-----|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 20. | Đội ngũ quản lý tìm nguyên nhân, không phải là người có lỗi khi tai nạn xảy ra | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 21. | Đội ngũ quản lý luôn luôn đổ lỗi cho nhân viên khi tai nạn xảy ra | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 22. | Đội ngũ quản lý đối xử công bằng với những nhân viên có liên quan đến tai nạn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
-

Trong mục sau đây, vui lòng cho biết bạn nhận thấy nhân viên tại nơi làm việc này xử lý vấn đề an toàn như thế nào

- | | | | | | |
|-----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 23. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây cùng nhau cố gắng hết sức để đạt được mức độ an toàn cao | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 24. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây chia sẻ trách nhiệm để đảm bảo nơi làm việc luôn luôn được giữ ngăn nắp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 25. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây không quan tâm đến sự an toàn của những người khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 26. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây trốn tránh giải quyết những rủi ro đã được phát hiện | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 27. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây giúp đỡ lẫn nhau để làm việc an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 28. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây không chịu trách nhiệm cho sự an toàn của những người khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Có một số câu hỏi có thể tương tự nhau, xin vui lòng trả lời tất cả các câu hỏi

| | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|---|------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chỉ đánh một dấu X cho mỗi câu hỏi | | | | |
| 29. Chúng tôi, những người làm việc ở đây coi rủi ro là không thể tránh khỏi | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 30. Chúng tôi, những người làm việc ở đây coi các tai nạn nhỏ là một điều bình thường của công việc hàng ngày | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 31. Chúng tôi, những người làm việc ở đây chấp nhận hành vi nguy hiểm miễn là không có tai nạn xảy ra | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 32. Chúng tôi, những người làm việc ở đây phá vỡ quy tắc an toàn để hoàn thành công việc đúng thời hạn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 33. Chúng tôi, những người làm việc ở đây không bao giờ chấp nhận rủi ro ngay cả khi lịch làm việc dày đặc | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 34. Chúng tôi, những người làm việc ở đây cho rằng công việc của chúng tôi không những người nhút nhát | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 35. Chúng tôi, những người làm việc ở đây chấp nhận rủi ro trong công việc | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <hr/> | | | | |
| 36. Chúng tôi, những người làm việc ở đây cố gắng tìm kiếm giải pháp nếu ai đó chỉ ra một vấn đề về an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 37. Chúng tôi, những người làm việc ở đây cảm thấy an toàn khi làm việc cùng nhau | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 38. Chúng tôi, những người làm việc ở đây rất tin tưởng vào năng lực của những người khác để đảm bảo an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Có một số câu hỏi có thể tương tự nhau, xin vui lòng trả lời tất cả các câu hỏi

| Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|------------------------------------|-----------------|--------|------------------------|
| Chỉ đánh một dấu X cho mỗi câu hỏi | | | |

- | | | | | | |
|-------|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 39. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau để ngăn chặn tai nạn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 40. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây đón nhận một cách nghiêm túc các ý kiến và đề nghị liên quan đến an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 41. | Chúng tôi những người làm việc ở đây hiếm khi trao đổi về an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 42. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây luôn thảo luận về các vấn đề an toàn khi chúng xảy ra | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 43. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây có thể bàn luận thoải mái và công khai về an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <hr/> | | | | | |
| 44. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây cho rằng một đại diện am hiểu về an toàn đóng vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa tai nạn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 45. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây cho rằng các kiểm tra/đánh giá về an toàn không có tác dụng đối với sự an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 46. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây cho rằng đào tạo an toàn là rất tốt để phòng ngừa tai nạn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 47. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây coi kế hoạch phòng ngừa để an toàn là vô nghĩa | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 48. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây cho rằng các kiểm tra/đánh giá về an toàn giúp tìm ra các rủi ro nghiêm trọng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 49. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây cho rằng đào tạo an toàn là vô nghĩa | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 50. | Chúng tôi, những người làm việc ở đây cho rằng điều quan trọng là phải có các mục tiêu rõ ràng cho sự an toàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Nếu bạn muốn cung cấp thêm chi tiết về một vài câu trả lời của mình, hoặc nếu bạn có bất kỳ ý kiến nào về nghiên cứu này, xin vui lòng viết tại đây.

Ý kiến:

☺ Cảm ơn bạn đã trả lời phiếu điều tra này. Xin hãy chắc chắn rằng bạn đã đánh dấu vào ô cho biết bạn đồng ý tham gia vào nghiên cứu này ở trang đầu ☺



NATIONAL RESEARCH CENTRE
FOR THE WORKING ENVIRONMENT



GÖTEBORGS UNIVERSITET



IRIS

International
Research
Institute of Stavanger



Työterveyslaitos



Hội Đồng Bộ Trưởng Bắc Âu (Nordic
Council of Ministers)

nfa.dk/NOSACQ